

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 27/6/2019

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai”

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông Nguyễn Cường

Ông Nguyễn Xuân Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 128/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 3 năm 2019 về: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 87/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 574/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Vũ Cát T**, sinh năm 1981, địa chỉ: số 91 đường Y, phường P1, quận H, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2018) - Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: Khối 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Văn M**, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Văn T1**, chức vụ: Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2019) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Lê Văn N1**, chức vụ: Chuyên viên phòng TNMT huyện N - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án người khởi kiện bà Lê Thị V cũng như lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Vũ Cát T như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.252 m², loại đất ở + đất vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U349364 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N cấp ngày 08/8/2002 cho hộ ông Lê K do ông bà nội của bà Lê Thị V là ông Lê K và bà Châu Thị H1 quản lý sử dụng, xây dựng nhà ở, công trình, vật kiến trúc và trồng cây cối từ năm 1969 đến nay. Đến năm 1989, do nhà ở xuống cấp nghiêm trọng nên cha bà Lê Thị V là ông Lê Văn L đã sửa chữa và nâng cấp lại. Hiện tại, bà Lê Thị V là người đại diện hợp pháp của ông Lê K và bà Châu Thị H1 (đều chết năm 2005) để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với toàn bộ đất đai, tài sản nói trên.

Hiện nay toàn bộ đất đai, tài sản nói trên nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 giai đoạn III - đợt 27, tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam đã được kiểm kê, áp giá và được UBND huyện N công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất tại Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 3810/QĐ-UBND ngày 25/4/2017. Đồng thời, ngày 08/5/2017, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4083/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với tổng số tiền là 950.100.996 đồng. Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chưa phù hợp với thực tế và đúng quy định của

pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà Lê Thị V, cụ thể:

1. Về đất:

UBND huyện N không công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất ở cho hộ ông Lê K là 1.500 m² (tức bằng 5 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai năm 2013), mà chỉ công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất đối với diện tích đất ở là 500m² là không phù hợp với thực tế sử dụng đất và không đúng quy định của pháp luật vì mặc dù hộ ông Lê K kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg tại thửa đất số 96, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.672 m², trong đó: 500 m² đất thổ cư, 2.172 m² đất màu và thửa đất số 60, tờ bản đồ số 02, diện tích 360 m², loại đất màu % nhưng từ trước đến nay vẫn quản lý sử dụng liên tục, không ai khiếu nại tranh chấp và hình thể thửa đất trên thực tế không có nhiều thay đổi. Hồ sơ đăng ký Chỉ thị 299/TTg chỉ là cơ sở tham khảo để cơ quan Nhà nước cấp có thẩm quyền xem xét, xác định thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, chứ không phải là cơ sở duy nhất để công nhận quyền sử dụng đất ở trước 18/12/1980.

2. Về bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình, vật kiến trúc:

Hộ ông Lê K có 02 ngôi nhà có diện tích 38,32 m² và 28,53 m² đều được xây dựng trên đất ở nhưng chỉ được bồi thường 50% giá trị. Ngoài ra, con đường đi vào nhà cấp phối đá dăm dày 15-20 cm, diện tích 279 m² và 122 trụ rào BTCT 1,83 m³ cũng được xây dựng trên đất ở và vườn thì không được bồi thường, hỗ trợ vì toàn bộ nhà ở, công trình, vật kiến trúc nói trên không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam và điểm b mục 4 khoản 7 Điều 2 Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam.

3. Về tái định cư:

Trên thực tế hiện nay toàn bộ đất đai, tài sản của hộ ông Lê K thuộc diện bị giải tỏa trắng. Bản thân gia đình bà Lê Thị V có 04 nhân khẩu thực tế cùng chung sống trong ngôi nhà và trên cùng một thửa đất ở thu hồi (500 m² đất ở) của ông, bà nội, đã tách hộ riêng trước thời điểm có thông báo thu hồi đất và không có chỗ ở nào khác nên đủ điều kiện được Nhà nước bố trí số 02 lô đất tái định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND

ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, UBND huyện N chỉ bố trí cho gia đình bà Lê Thị V 01 lô đất tái định cư là không phù hợp với quy định hiện hành vì chỉ mới giải quyết cho việc xây dựng lại nhà thờ cho ông, bà nội, còn riêng gia đình bà Lê Thị V chưa có đất tái định cư để xây dựng nhà ở.

Nay bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 giai đoạn III - đợt 27, tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc UBND huyện N công nhận quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư lại cho hộ gia đình bà Lê Thị V phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền yêu cầu bổ sung hủy Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Theo văn bản số 717/UBND-TTBT ngày 26/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện N và lời trình bày tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện N, như sau:

Tại Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND huyện N về việc bồi thường hỗ trợ và bố trí đất tái định cư cho hộ ông (bà) Lê Thị V và Phạm Văn M1 thường trú tại thôn Đ, xã T2, huyện N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp - Hậu cần Cảng T2 giai đoạn III - đợt 27 cụ thể như sau:

Tổng giá trị bồi thường hỗ trợ là 950.100.996 đồng và bố trí 01 lô đất tái định cư cho hộ ông bà Lê Thị V và Phạm Văn M1 lô A5-45 (*lô thứ nhất do thừa kế đất của ông nội*), diện tích 218,4 m² tại Khu dân cư đô thị T2 II giai đoạn I xã T2, huyện N.

Khu Công nghiệp - Hậu cần Cảng T2 được UBND tỉnh Quảng Nam ban

hành Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 21/8/2009 về việc thu hồi đất, giao đất cho Ban Quản lý Khu Kinh tế M quản lý, sử dụng để xây dựng công trình cầu Cảng Khu Hậu cần Cảng T2 giai đoạn III với tổng diện tích 1.619.074 m² gồm đất ở 517.325 m², đất nông nghiệp 1.002.608 m², các loại đất khác 99.141 m² do các gia đình, cá nhân và UBND xã T2 quản lý. Đồng thời, được UBND huyện N ban hành Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 về phê duyệt dự án tổng thể bồi thường thiệt hại, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Khu Công nghiệp - Hậu cần Cảng T2 giai đoạn IV, địa điểm tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Trong đó có hộ ông Lê K (đã chết) do ông Lê Văn L (là con trai) đại diện quản lý, sử dụng tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.252 m², nay bà Lê Thị V là người thừa kế. Nguồn gốc đất do hộ ông Lê K sử dụng ở trước năm 1980, trong đó chỉ kê khai đăng ký diện tích 500 m² đất ở theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg nên UBND huyện N chỉ thống nhất bồi thường đối với diện tích đất ở là 500 m².

Quá trình thực hiện Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh và Quyết định phê duyệt dự án tổng thể của UBND huyện N nói trên thì ông Lê Văn L tiến hành coi nói thêm nhà ở sát vào ngôi nhà của ông Lê K là cha ông Lê Văn L vi phạm hành chính được UBND xã T2 lập biên bản số 21/BB-VPHC ngày 26/10/2012 với diện tích xây dựng 38,2 m² và 28,5 m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.252 m², loại đất thổ cư. Trên thửa đất này ông Lê Văn L xây dựng đường mới cấp phối đá dăm (93 x 3 = 279 m²) được UBND xã lập biên bản số 51/BB-VPHC ngày 10/12/2012. Đến ngày 16/5/2016 ông Lê Văn L tiếp tục cấm trụ rào bê tông cốt thép số lượng 122 trụ đã bị lập biên bản vi phạm hành chính.

Từ những cơ sở trên UBND xã T2 tổ chức tổ công tác kiểm tra thực tế vào lúc 14 giờ ngày 27/12/2016 để tham mưu cho Hội đồng tư vấn xã hội xét 15 trường hợp vi phạm hành chính. Sau đó, Hội đồng tư vấn xã hội xét đề nghị hỗ trợ 50% giá trị bồi thường theo quy định đối với 02 ngôi nhà coi nói vi phạm hành chính vào năm 2012 và đề nghị không bồi thường con đường cấp phối đá dăm (93 x 3 = 279 m²) vì xây dựng vi phạm hành chính mà không đúng mục đích, không có giá trị sử dụng, không bồi thường 122 trụ rào BTCT vì kiểm tra thực tế tại biên bản ngày 27/12/2016 không còn tại hiện trường. Đồng thời đề

ngiht bố trí 01 lô đất tái định cư cho hộ bà Lê Thị V do bà Lê Thị V thừa kế toàn bộ tài sản nhà cửa, đất đai của ông nội Lê K chết để lại theo biên bản họp gia đình, không xét bố trí đất tái định cư cho người đã chết.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, xét đề nghị của UBND xã T2, UBND huyện N ban hành Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 về việc bồi thường hỗ trợ và bố trí đất tái định cư cho hộ ông bà Lê Thị V và Phạm Văn M1 thường trú tại thôn Đ, xã T2, huyện N để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp - Hậu cần Cảng T2 giai đoạn III - đợt 27 là đúng.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, khoản 1 Điều 173 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 103, 166 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với UBND huyện N.

- Hủy Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 giai đoạn III - đợt 27, tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Lê Thị V đối với phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, phần bố trí đất tái định cư và phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc.

- Buộc UBND huyện N ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ lại cho hộ gia đình bà Lê Thị V đối với phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, phần bố trí đất tái định cư và phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc gồm con đường cấp phối đá dăm diện tích 279 m² và 122 trụ rào bê tông cốt

thép theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28-12-2018, UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc hủy Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất và bác yêu cầu khởi kiện đối với nội dung buộc UBND huyện N phải thu hồi, bồi thường diện tích 1.500 m² (*kèm theo đơn kháng cáo là Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND huyện N về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê K ngày 08/8/2002 vì cấp không đúng quy định của pháp luật*).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Lê Thị V không rút đơn khởi kiện; UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về kháng cáo: Phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện N vắng mặt; ngày 17/12/2018, UBND huyện N nhận được Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam về việc khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai giữa người khởi kiện là bà Lê Thị V, sinh năm 1989, thường trú tại thôn P, xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam và người bị kiện là UBND huyện N, đến ngày 28/12/2018, UBND huyện N, tỉnh

Quảng Nam kháng cáo bản án sơ thẩm là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Kháng cáo của UBND huyện N cho rằng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất ở 1.500m² trên tổng diện tích 3.252m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê K và hủy Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND huyện N về việc công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam là không đúng quy định của pháp luật về đất đai. HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Lời khai của người khởi kiện, lời khai của người bị kiện, phiếu lấy ý kiến của Khu dân cư thôn Đ ngày 24/6/2016 và tại Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND huyện N đều xác định diện tích 2.757,9 m² nằm trong tổng diện tích 3.257,9 m² có nguồn gốc cùng một thửa đất vườn ao và thời điểm sử dụng từ trước ngày 18/12/1980.

[2.2] UBND huyện N căn cứ theo hồ sơ 299/TTg được lập và phê duyệt năm 1987 trên địa bàn xã T2 thể hiện ông Lê Khướn có tên trong sổ đăng ký ruộng đất tại trang số 77 (*thửa đất số 96, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.672 m²*) đã xác định diện tích loại đất thổ cư (T) là 500 m² nên UBND huyện N ban hành Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 thu hồi đất của hộ ông Lê K (chết) - Người đại diện là bà Lê Thị V với diện tích 3.257,9 m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26, trong đó xác định diện tích đất ở là 500 m². Căn cứ để xác định diện tích đất ở của hộ ông Lê K nêu trên của UBND huyện N tại Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 là không chính xác; vì lẽ:

+ Hồ sơ 299/TTg thì ông Lê Khướn có tên trong sổ đăng ký ruộng đất và sổ đăng ký ruộng đất có ghi diện tích loại đất thổ cư (T) của ông Lê K là 500 m².

Tuy nhiên, theo Hồ sơ địa chính thực hiện theo Nghị định 64/CP (*làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) do UBND huyện N cung cấp ngày 16/5/2019 (*gồm: Sổ địa chính năm 2003; sổ mục kê đất năm 1998 và bản đồ địa chính*) thể hiện: Diện tích 3.252 m² của ông K tại sổ mục kê đất và bản đồ địa chính là đất thổ cư và nằm trong một thửa; Diện tích 3.252 m² của ông K tại sổ địa chính (*trang số 158*) là đất ở và đất vườn.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 349364 ngày 08/08/2002 đã cấp cho hộ ông Lê K đã ghi: “*Mục đích sử dụng: Đất ở + đất vườn diện tích 3.252 m²*” .

Do đó, bản án sơ thẩm nhận định hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê K chưa xác định rõ diện tích đất ở là có căn cứ và theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013: “*2. Loại giấy tờ làm căn cứ xác định diện tích đất ở theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai là giấy tờ có thể hiện một hoặc nhiều mục đích nhưng trong đó có mục đích để làm nhà ở, đất ở hoặc thổ cư.*” và khoản 2 Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013: “*2. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó. Trường hợp trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật này **chưa xác định rõ diện tích đất ở** thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất được xác định bằng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này.*” và theo quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: “*... Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây mà người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này nhưng diện tích đất ở chưa được xác định theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai, Khoản 3 Điều này và chưa được xác định lại theo quy định tại Điểm b và Điểm c khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003, nay người sử dụng đất có đơn đề nghị xác định lại diện tích đất ở hoặc khi Nhà nước thu hồi đất thì diện tích đất ở được xác định lại theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 103 của Luật Đất đai và Khoản 3 Điều này; hộ gia đình, cá nhân không phải nộp tiền sử dụng đất, được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đã được xác định lại là đất ở*”. Đồng thời theo quy định tại điều 50, Điều 87 Luật đất đai 2003 và điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 45 Nghị định số

181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003 thì trường hợp của hộ ông Lê K diện tích đất ở được xác định không quá năm (05) lần hạn mức diện tích giao đất ở và Tòa án cấp sơ thẩm công nhận diện tích đất ở cho hộ ông Lê K 1.500m² là có cơ sở.

[3] Ngày 08/8/2002 ông Lê K được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 349364 đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.252 m².

Sau khi ông Lê K được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 349364 thì đến ngày 13/02/2017, UBND huyện N ra Quyết định số 1321/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 349364 ngày 08/08/2002 đã cấp cho hộ ông Lê K. Tuy nhiên, lý do để thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 349364 của hộ ông Lê K là do thực tế sử dụng đất của hộ ông Lê K lớn hơn diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Kết luận thanh tra số 01/KL-TTr ngày 05/01/2017 hộ ông Lê K đang sử dụng thực tế là 3.258 m²*) nên không ảnh hưởng đến việc xác định diện tích đất ở.

[4] Với các nhận định nêu trên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của UBND huyện N.

[5] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên UBND huyện N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 87/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; xử:

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, khoản 1 Điều 173 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 103, 166 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị V về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với UBND huyện N.

- Hủy Quyết định số 3791/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND huyện N về công nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy một phần Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, hậu cần cảng T2 giai đoạn III - đợt 27, tại xã T2, huyện N, tỉnh Quảng Nam cho hộ bà Lê Thị V đối với phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, phần bố trí đất tái định cư và phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc.

- Buộc UBND huyện N ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ lại cho hộ gia đình bà Lê Thị V đối với phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất, phần bố trí đất tái định cư và phần giá trị bồi thường, hỗ trợ về công trình, vật kiến trúc gồm con đường cấp phối đá dăm diện tích 279 m² và 122 trụ rào bê tông cốt thép theo đúng quy định của pháp luật.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0259 ngày 28/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh